

GÓP THÊM MỘT HƯỚNG TIẾP CẬN PHƯƠNG PHÁP LUẬN NGHIÊN CỨU VÙNG ĐẤT NAM BỘ

NGÔ MINH OANH*

Khi nói đến quá trình mở mang bờ cõi của ông cha chúng ta về phương Nam, người ta hay liên tưởng đến hai câu thơ của Huỳnh Văn Nghệ:

"Từ thúở mang gươm đi mở nước

Trời Nam thương nhớ đất Thăng Long".

Thực tế, tiến trình mở cõi về phía Nam của người Việt, ông cha ta không chỉ dùng "gươm" mà còn sử dụng con đường ngoại giao, hôn nhân... Trong bối cảnh lịch sử với những mối quan hệ chằng chéo, phức tạp giữa các nước trong khu vực đã tác động và tạo nên dấu ấn lịch sử đặc thù về tính mục đích, con đường và các luồng di dân của người Việt. Đó là một quá trình được thực hiện bởi mong muốn mở mang bờ cõi, hành động tự vệ, hay tiếp nhận sự dâng đất tự nguyện vì mục đích ngoại giao, hay từ các cuộc hôn nhân.

Thiết nghĩ, để góp phần nghiên cứu vùng đất Nam Bộ, chúng tôi xin góp thêm một hướng tiếp cận dưới góc độ phương pháp luận thể hiện ở một số vấn đề sau.

1. Sự cần thiết phải xác định chủ nhân đầu tiên cũng như quá trình khai phá và xác lập chủ quyền ở Nam Bộ của các lớp dân cư - đối tượng nghiên cứu về quá trình khai phá vùng đất Nam Bộ.

Đồng bằng sông Đồng Nai và Cửu Long trước đây được gọi chung là vùng đất Gia

Định. Khi người Việt đến khai phá, định cư, lập thành thôn ấp thì vùng đất này còn rất hoang sơ.

Từ thế kỷ XVII trở về trước, vùng đất này thuộc lãnh thổ của vương quốc Phù Nam và sau đó là Chân Lạp. Vương quốc Phù Nam (1) ra đời từ đầu Công nguyên mà lãnh thổ của nó rất rộng lớn, phía Nam giáp vịnh Thái Lan, phía Bắc giới hạn bởi sông Mun (chảy qua vùng U Đông - Thái Lan), phía Đông giáp biển Đông, phía Tây bao gồm Hạ lưu sông Mê Nam và một phần Bắc bán đảo Mã Lai. Như vậy, lãnh thổ của Phù Nam bao gồm cả vùng đất Trung, Nam Lào và vùng đất Nam Bộ và một phần Trung Bộ của nước ta ngày nay.

Khi nghiên cứu Phù Nam nhiều học giả cho rằng chủ nhân của vương quốc này là *cư dân Đông nam Á, nói tiếng Nam Đảo* (2).

Sự đan xen giữa các nền văn hóa đã tạo ra một cơ tầng bản địa vô cùng phức tạp ở Nam Đông Dương và đặc biệt là vùng châu thổ sông Mêkông, vùng bản lề của các cuộc thiên cư từ đất liền ra hải đảo và từ hải đảo vào đất liền trong các thời đại Đá mới và Sơ sử. Xã hội Phù Nam được hình thành trong bối cảnh địa - lịch sử đó. Kết quả của quá trình hỗn chủng và hòa hợp về văn hóa và ngôn ngữ đã tạo nên tính bản địa của cư dân Phù Nam - loại hình Indonesian mà con cháu họ ngày nay vẫn tồn tại khá phổ

* PGS.TS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Tp. Hồ Chí Minh.

biển ở vùng Trường Sơn - Tây Nguyên. Những cư dân thuộc chủng Indonesian hẳn đã là chủ nhân ưu thế của vương quốc Phù Nam (3). Các kết quả nghiên cứu gần đây của các nhà dân tộc học, khảo cổ học ở các di chỉ ở Nam Bộ thuộc văn hóa Óc Eo cũng đã cho những kết quả để khẳng định chủ nhân đầu tiên của vùng đất Phù Nam là những người thuộc tiểu chủng hay loại hình Indonesian.

Phù Nam là một quốc gia có nhiều tiểu quốc phụ thuộc với nhiều mức độ khác nhau, do đó nó không được thống nhất chặt chẽ. Đến giữa thế kỷ VI, vương quốc Phù Nam bị chia cắt bởi tình trạng chống đối giữa các lực lượng trong nội bộ. Nhờ những điều kiện tự nhiên thuận lợi, và tiếp xúc với văn minh Ấn Độ mà trên lãnh thổ Phù Nam đã xuất hiện nhiều tiểu quốc độc lập, hình thành theo địa vực tự nhiên, lấy một tộc người đa số và phát triển nhất làm nòng cốt. Chân Lạp (4) là một trường hợp như thế.

Trong thời gian từ khoảng năm 580 do bị suy yếu, Phù Nam bắt đầu bị Chân Lạp xâm chiếm và đến năm 640 thì bị Chân Lạp xâm chiếm hoàn toàn. Chân Lạp trong thời gian 5 thế kỷ đầu công nguyên, vốn chỉ là một nước phụ thuộc của Phù Nam, nhờ phát triển mạnh lên mà Chân Lạp đã xâm chiếm và kế thừa được cương vực của Phù Nam.

Chủ nhân của Chân Lạp là người Khơme, thuộc ngữ hệ Nam Đảo, nhóm Môn - Khơme ở vùng lưu vực sông Sê Mun chảy qua Ubon (Thái Lan), vùng Nam Lào và Bắc Campuchia ngày nay, bản thân họ, như đã nói ở trên, không phải là người bản địa của khu vực Đông Nam quốc gia Phù Nam. Họ đẩy dân người Phù Nam xuống phía Nam, và đến giữa thế kỷ thứ VII thì

lãnh thổ của họ đã bao gồm toàn bộ lãnh thổ của vương quốc Phù Nam cũ. Học giả Vương Hồng Sển cũng đã khẳng định trong một tác phẩm nghiên cứu về vùng đất Nam Bộ như sau: "Đất miền Nam của bán đảo Ấn Độ - China cũng không phải thiết thọ "phần đất phụ ấ" của người Khơme. Sự thật thì dòng thổ dân tiền chiếm vùng này là giống Phù Nam đã bị tiêu diệt từ thế kỷ thứ VII" (5).

Đến đầu thế kỷ thứ VIII, Chân Lạp tách làm hai, Lục Chân Lạp và Thủy Chân Lạp. Lục Chân Lạp nằm ở phía Bắc trên một vùng đất cao gồm núi non và thung lũng thuộc vùng đất Lào và Bắc Campuchia ngày nay. Kinh đô của Lục Chân Lạp đóng ở vùng Thà Khẹt (Lào). Còn Thủy Chân Lạp nằm ở phía Nam, vùng Biển Hồ và hạ lưu sông Mêkông, thủ đô ở Ăngkor.

Người Chân Lạp đã xây dựng và củng cố vương quốc của mình phát triển huy hoàng qua các giai đoạn: Giai đoạn Tiên Ăngkor (580 - 802), giai đoạn Ăngkor (802 - 1434), giai đoạn Hậu Ăngkor (1434 - 1863).

Tuy nhiên, vùng Thủy Chân Lạp là một vùng đất còn rất hoang sơ, gần như vô chủ. Đây là vùng đất trũng, úng, sinh lầy, kênh rạch chằng chịt, "dưới sông cá sấu, trên bờ cọp um" và biển thì bao bọc xung quanh.

"Về hình thức thì vùng này có thời nội thuộc Chiêm Thành, có thời nội thuộc Chân Lạp - thuộc Thủy Chân Lạp. Nhưng dò theo danh mục 41 tỉnh hạng nhất, 7 tỉnh hạng nhì, 5 tỉnh hạng ba, 3 tỉnh hạng tư của nước Chân Lạp những thuở đó, không thấy ở đâu ghi rằng vùng Đồng Nai thuộc tỉnh nào. Nói rằng đây là đất vô chủ thì không đúng hẳn; mà nói rằng đây là huyện tỉnh của Chân Lạp, Chiêm Thành thì cũng không thật phải" (6).

Trong cuốn *Chân Lạp phong thổ kí* của Châu Đạt Quan (Tchéou - Ta Kouan), một sứ thần nhà Nguyên, người đã đi qua vùng đất này vào khoảng những năm 1296 - 1297 đã ghi lại: "Hầu hết cả vùng đều là bụi rậm của rừng thấp, những cửa rộng của con sông chạy dài hàng trăm lí, bóng mát um tùm của những gốc cây cổ thụ và cây mây dài tạo thành nhiều chỗ xum xuê. Tiếng chim hót và thú vật kêu vang dội khắp nơi. Những cánh đồng rộng bỏ hoang, không có một gốc cây nào. Hàng ngàn trâu rừng tụ họp từng bầy..." (7). Đoàn sứ thần nhà Nguyên đi vào Chân Lạp như đi vào "chỗ không người", vì người Chân Lạp chủ yếu tập trung ở phía Bắc, vùng đất có đồi gò thoải thoải, cao ráo, thuận lợi cho việc sinh sống làm ăn. Không có dấu hiệu gì chứng tỏ khu vực này đã là một đơn vị hành chính, hoặc thôn, ấp, làng, bản của Chân Lạp.

Thậm chí cho đến thế kỉ thứ XVII, vùng đất Nam Bộ vẫn còn rất hoang vu. Lê Quý Đôn viết trong *Phủ biên tạp lục*: "Từ các cửa biển Cần Giò, Soài Rạp, Cửa Tiểu, Cửa Đại trở lên, hoàn toàn là rừng rậm hàng ngàn dặm" (8).

Như vậy, dù còn tiếp tục làm giàu thêm về mặt tư liệu nhưng có thể khẳng định Phù Nam và Chân Lạp là hai giai đoạn khác nhau trong lịch sử vùng đất Nam Bộ. Giai đoạn Chân Lạp là sự tiếp nối, kế thừa của Phù Nam. Mỗi giai đoạn có một chủ thể khác nhau khai phá vùng đất này. Sự kế thừa của Chân Lạp là *sự kế thừa không trọn vẹn*, tạo nên những vùng đất "gần như vô chủ" để từ đó bằng nhiều con đường khác nhau, các lớp cư dân người Việt tìm đến khai phá và xác lập chủ quyền của mình.

2. Xem xét quá trình khai phá và xác lập chủ quyền của Việt Nam ở Nam Bộ trong bối cảnh lịch sử khu vực với những mối quan hệ chiến tranh, ngoại giao giữa các nước.

Phía Tây của Chân Lạp vốn trước đây có một bộ phận người Thái sinh sống ở Thượng nguồn sông Mêkông đã dần di chuyển xuống phía Nam, định cư ở lưu vực sông Mê Nam và lập nên những vương quốc đầu tiên của họ. Năm 1349, vương quốc Ayutthaya đã đem quân uy hiếp và bắt các quốc gia khác thần phục. Ayutthaya trở thành một quốc gia thống nhất và bước vào thời kỳ phát triển thịnh vượng của chế độ phong kiến Thái, đến năm 1767 thì đổi tên thành vương quốc Xiêm.

Ở vùng Nam Trung Bộ Việt Nam vương quốc Chăm-pa cũng đã được hình thành từ khoảng thế kỉ II đầu Công nguyên với tên là Lâm Ấp, sau đó đổi tên thành Chăm-pa (năm 875) và từ giữa thế kỉ IX đến cuối thế kỉ X bước vào giai đoạn phát triển thịnh đạt dưới triều Indrapura.

Một bộ phận người Thái khác định cư ở vùng Trung lưu sông Mêkông, hòa nhập với dân cư bản địa lập nên vương quốc Lan Xạng vào năm 1553.

Như vậy, ở khu vực Đông Dương trong thời gian này tồn tại các nước Đại Việt, Chăm Pa, Chân Lạp, Ayutthaya và Lan Xạng.

Từ thế kỷ XV, các quốc gia nói trên, tuy thời điểm và mức độ khác nhau nhưng đang bước vào giai đoạn suy thoái. Kinh tế kém phát triển, mâu thuẫn xã hội trở nên gay gắt, nhiều nhà nước phong kiến không còn đủ sức phát triển kinh tế - xã hội, thường xuyên gây chiến tranh thôn tính lẫn nhau.

Nước Đại Việt sau giai đoạn thịnh vượng từ sau thế kỉ XV, bước sang thế kỉ XVI bị phân liệt với những cuộc nội chiến kéo dài giữa các thế lực phong kiến Lê - Mạc và Trịnh - Nguyễn. Từ đầu thế kỉ XVIII, chế độ phong kiến Đàng Ngoài và Đàng Trong bộc lộ những mâu thuẫn xã hội gay gắt làm bùng lên ngọn lửa khởi nghĩa nông dân.

Vào nửa sau thế kỉ XVII và đầu thế kỉ XVIII, nước Lan Xạng dưới thời Xulinha Vôngsa (1637-1711) tuy đã có cố gắng vươn tới thời kì phục hưng, nhưng cũng như các nước phong kiến phương Đông thời Trung đại, nhà nước quân chủ tập quyền Lan Xạng thiếu một nền tảng kinh tế - xã hội để duy trì nền thống nhất vững chắc. Sau khi Xulinha Vôngsa chết, nước Lan Xạng bị phân chia làm ba tiểu quốc: Viêng Chăn, Luông Pha Băng, Chăm Pa Xắc. Những cuộc xung đột và xâm chiếm lẫn nhau đã làm cho đất nước vốn đã suy yếu nay lại càng suy yếu thêm.

Trong lúc đó ở Chân Lạp sau thời kì Ăngkor rục rĩ, quá trình suy thoái đã và đang diễn ra. Nguyên nhân sâu xa của quá trình này là sự xuống dốc của đất nước từ bên trong. Sự vắt kiệt hết tiềm năng và sức lực của đất nước để xây dựng những công trình đồ sộ và tiến hành những cuộc chiến tranh nhằm củng cố quyền lực và tranh giành lãnh thổ. Một nguyên nhân nữa cũng không kém phần quan trọng, đó là sức ép từ bên ngoài, mà đặc biệt là những cuộc xâm lược của người Thái đẩy dẫn người Campuchia về phía Đông Nam. Chế độ phong kiến nói chung và giai cấp phong kiến nói riêng đã suy thoái nhanh chóng và không sao gượng dậy nổi. Khủng hoảng trầm trọng và kéo dài suốt thời kì hậu Ăngkor.

Lợi dụng tình hình khó khăn và mâu thuẫn xung đột giữa các phe phái ở Campuchia, nước Xiêm đã nhiều lần can thiệp, tấn công xâm chiếm đất đai, tàn phá đất nước này. Năm 1767, vương triều Ayutthaya bị đổ, vương triều Phya Taksin (1767 - 1782) lên thay thế, đóng đô ở Thonburi. Trong thời gian cầm quyền Taksin đã ba lần xâm lược Chân Lạp, một lần xâm lược Lan Xạng. Và không chỉ xâm chiếm Chân Lạp, Xiêm cũng đã nhiều lần tấn công Đại Việt vào các năm 1771, 1783, 1784. Như vậy, nước Xiêm không chỉ là nguy cơ đối với Chân Lạp mà còn là nguy cơ đối với cả Đại Việt.

Trong lúc đó mối quan hệ giữa Đại Việt với Chiêm Thành có một quá trình diễn ra lâu dài và phức tạp, có cả chiến tranh và hữu hảo. Từ thế kỉ X đến thế kỉ XVII, vua Chiêm Thành đã nhiều lần đem quân đánh Đại Việt, nhưng cứ mỗi lần bị thua lại bị mất thêm một phần lãnh thổ. Kể cả lãnh thổ chiếm được do chiến tranh, và đất hai châu Ô, châu Lí mà vua Chế Mân của Chiêm Thành dâng cho vua nhà Trần khi cưới Huyền Trân công chúa, trong suốt bảy thế kỉ, đến năm 1697, lãnh thổ của Đại Việt đã vươn tới tỉnh Ninh Thuận bây giờ.

Như vậy, "nguy cơ" Xiêm là một nguy cơ trực tiếp, mặc dù ngăn cách giữa hai nước đã có Campuchia, nhưng trong thực tế chính quyền Chân Lạp đã không còn khả năng thi hành một đường lối độc lập do sự chia rẽ trong nội bộ và áp lực từ bên ngoài. Trong tình hình đó Đại Việt buộc phải có đối sách để ngăn chặn nguy cơ từ phía Xiêm.

Năm 1628, vua Chey Chetta II băng hà, chính trường Chân Lạp biến động vì việc tranh đoạt ngôi vua. Con của Chey Chetta II và bà Ngọc Vạn lên kế vị vua cha. Các thế lực hoàng thân đã tìm cách tranh giành

ngôi vua, nhiều người đã trốn vào cung của hoàng thái hậu Ngọc Vạn để nhờ bà xin viện binh của chúa Nguyễn. Năm 1658, chúa Nguyễn sai đem 3.000 quân sang đánh Chân Lạp, bắt được vua là Nặc Ông Chân sau đó tha cho về nước, bắt phải triều cống và phải tạo điều kiện cho người Việt sang làm ăn sinh sống. Sau khi Nặc Ông Chân qua đời, với sự hậu thuẫn của Đại Việt, quốc vương Batom Réachéa (1660 - 1672) lên ngôi đã chấp nhận triều cống chúa Nguyễn hàng năm và bảo đảm cho người Việt đến khai phá ở đất Chân Lạp.

Đến năm 1672, vua Chân Lạp bị giết, con là Angcheng lên nối ngôi, năm 1673, Angcheng cầu viện Xiêm để đánh lại hoàng thân Angtôn và Angnon, lực lượng thân Đại Việt. Angnon cầu cứu Đại Việt, Chúa Hiền Nguyễn Phúc Tần cử Cai cơ đạo Nha Trang là Nguyễn Dương Lâm cùng với Nguyễn Đình Phái đem binh đi giúp Angnon, chiếm được Sài Gòn.

Năm 1708, Mạc Cửu xin nhập đất Hà Tiên về đất chúa Nguyễn, được chúa Nguyễn chấp nhận và phong cho Tổng binh trấn Hà Tiên. Sau khi Mạc Cửu qua đời, con là Mạc Thiên Tứ được phong là Đô đốc và mở rộng đất đến Rạch Giá, Cà Mau và Cần Thơ ngày nay.

Năm 1721, Vua Nặc Tha (Sathá) dâng Mĩ Tho (PeamMesar) và Vĩnh Long (Longhôr) cho Chúa Nguyễn để chuộc tội.

Năm 1756, trong nước có loạn, vua Nặc Nguyên lánh sang Hà Tiên, thông qua Mạc Thiên Tứ xin dâng Long An (Tầm Bôn) và Gò Công (Soài Rạp) cho Chúa Nguyễn.

Năm 1757, Nặc Thuận xin hiến đất Trà Vinh và Bến Tre (Preah Trapeang), và Sóc Trăng (Srok Trang) cho Chúa Nguyễn.

Và đến năm 1759, cháu Nặc Nhuận là Nặc Tôn chạy sang Hà Tiên cầu cứu vì ông bị con rể định giết để cướp ngôi. Chúa Nguyễn Phúc Khoát đã đưa quân sang giúp, sau khi lên ngôi, Nặc Tôn đã hiến đất Sa Đéc (Phsar Dêk) và Châu Đốc (Meat Vhrouk). Cho đến thời gian này toàn bộ vùng đất Nam Bộ đã thuộc chủ quyền của Chúa Nguyễn.

Như vậy, người Việt đến Chân Lạp không chỉ có những đội quân được đưa sang Chân Lạp chống lại quân Xiêm hoặc lực lượng thân Xiêm theo yêu cầu của các vua Chân Lạp, không phải dùng "gươm" để chiếm đất mà là do sự "trả công" một cách tự nguyện của người Chân Lạp. Nhờ vậy mà một vùng đất đai rộng lớn như kể trên đã thuộc chủ quyền Đại Việt.

3. Trong quá trình "Nam tiến" của dân tộc, chúng ta đã từng biết đến trường hợp Huyền Trân Công chúa và sinh lễ của vua Chế Mân dâng hai châu Ô, Lí cho nước Đại Việt. Lịch sử cũng gần như lặp lại trong tiến trình khai phá vùng đất Nam Bộ, nhưng lại không phải "mua đứt, bán đoạn" một vùng đất cụ thể nào mà bằng con đường hôn nhân, đã tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình khai phá vùng đất Nam Bộ với một bình diện rộng lớn hơn nhiều.

Năm 1620, Chúa sãi Nguyễn Phúc Nguyên đã gả công chúa Ngọc Vạn cho vua Chân Lạp - Chey Chetta II. Công chúa Ngọc Vạn là con gái thứ hai của Nguyễn Phúc Nguyên và bà Mạc Thị Giai. Công chúa được nhà vua Chân Lạp yêu quý và được phong làm Hoàng hậu. Bà luôn là người hậu thuẫn cho người Việt đến làm ăn sinh sống ở trên đất Chân Lạp và giữ mối quan hệ tốt đẹp với Đại Việt. Cuộc hôn nhân này đánh dấu một cột mốc quan trọng trong quan hệ giữa hai nước, mở đầu

cho thời kì sáp nhập đất đai vùng đất Nam Bộ về Đại Việt.

Dưới ảnh hưởng của bà Ngọc Vạn, nhà vua đã cho phép người Việt đến sinh sống làm ăn trên đất Chân Lạp, từ đây quá trình di dân bắt đầu được đẩy mạnh. Người Việt không chỉ xin cho mình mà còn xin phép cho người Hoa vào khai phá vùng đất này.

Năm 1623, Chúa Nguyễn Phúc Nguyên cử một phái bộ sang Udong xin lập hai trạm thu thuế ở Kas Krobei (Bến Nghé) và Prei Nokor (Sài Gòn) và đã được vua Campuchia đồng ý.

Một cuộc hôn nhân lịch sử cho phép mở ra một quá trình di dân khai phá vùng đất Nam Bộ cho thấy có một con đường khác nữa của người Việt trong quá trình Nam tiến, cho phép xóa đi một cách nhìn cục đơan và phiến diện về quá trình "Nam tiến" của dân tộc.

4. Cuối cùng, chúng ta xem xét quá trình khai phá và xác lập chủ quyền ở vùng đất Nam Bộ là một quá trình diễn ra trong giai đoạn xã hội có giai cấp. Mà trong các xã hội có giai cấp nói chung và dưới chế độ phong kiến nói riêng, nhất là ở phương Đông, chúng ta đều biết rằng, quá trình thôn tính lẫn nhau là một quá trình phổ biến theo quy luật nghiệt ngã là "mạnh được yếu thua". Mặc dù không phải là con đường duy nhất, nhưng rõ ràng quy luật đó cũng không phải là ngoại lệ trong quá trình xác lập chủ quyền ở vùng đất Nam Bộ. Đấu tranh giữa các quốc gia trong khu vực là một quá trình vừa kiểm chế lẫn nhau vừa tìm cách xâm chiếm, mở rộng đất đai, lãnh thổ. Đòi hỏi lùi về quá khứ, lật lại lịch sử là một điều khó có thể xảy ra ở nhiều khu vực trên thế giới vì như vậy nó sẽ làm "đảo lộn"

một trật tự đã được "lịch sử để lại" ổn định hàng trăm năm.

Trong bối cảnh và quy luật chi phối nói trên, vùng đất Nam Bộ đã từng bước thuộc chủ quyền của người Việt. Với những lớp di dân lập nghiệp là những người Việt vốn là những nông dân phiêu tán, thợ thủ công cùng khổ, những binh lính lao dịch bị lưu đày dưới sự áp bức bóc lột của địa chủ phong kiến và do chiến tranh, thiên tai đã bỏ làng, xóm vào vùng đất phía Nam lập nghiệp.

Từ quá trình khai phá không chính thức, dần dần quá trình đó ngày càng được mở rộng và củng cố chặt chẽ tiến tới thành lập một bộ máy chính quyền chính thức của Đàng Trong tại vùng đất này vào năm 1698. Sự kiện chúa Nguyễn cử Chương cơ Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh lập ra chính quyền ở Nam Bộ vào năm 1698 được coi như một tất yếu, công nhận một thực tế lịch sử, chính thức hóa một thực tế "dân mở đất trước, nhà nước cai trị sau."

Như vậy, quá trình khai mở đất đai về phía Nam của người Việt là một quá trình diễn ra trong bối cảnh khu vực với những mối quan hệ chông chéo, phức tạp. Quá trình đó diễn ra tịnh tiến với nhiều con đường khác nhau, có khi dùng sức mạnh quân sự để đánh đỏi kẻ thù và phòng thủ từ xa, có khi bằng biện pháp ngoại giao khôn khéo, có khi tiếp nhận đất đai do sự "trả ơn" một cách tự nguyện hay nhờ tạo điều kiện thuận lợi của cuộc hôn nhân. Đó là một quá trình giải quyết các mối quan hệ đan xen, chông chéo rất phức tạp với các nước láng giềng và bị chi phối bởi những hoàn cảnh khách quan. Đó cũng là quá trình diễn ra theo những quy luật thông lệ trong lịch sử nhân loại.

(Xem tiếp trang 65)

CHÚ THÍCH

(1), (2), (3). Tạ Thị Thuý. *Đồn điền của người Pháp ở Bắc Kỳ (1884-1914)*. Nxb. Thế giới, Hà Nội, 1996, tr. 12, 13, 87.

(4). *État statistique des essais de culture ou d'exploitation agricole en Annam*. - A.F.C. Tài liệu lưu trữ.

(5), (6), (7). Hội đồng tư vấn hỗn hợp Thương mại và Canh nông Trung Kỳ. *Trung Kỳ 1906*. Tài liệu địa chí. Thư viện Nghệ An. tr. 11, 20.

(8). *Concessions et exploitation agricoles des provinces de l'Annam* - A.F.C. Tài liệu lưu trữ.

(9). Aumiphin. *Sự hiện diện tài chính và kinh tế của Pháp ở Đông Dương (1858-1939)*. Hội Sử học Việt Nam. Hà Nội, 1994, tr. 53.

(10), (11), (12). Ch. Robequain. *Le Thanh Hoa*, (Nguyễn Xuân Lệnh dịch). Thư viện Thanh Hóa, tr. 300, 307.

(13). Tổng hợp từ các Địa chí tỉnh Thanh Hóa, lịch sử Nghệ - Tĩnh...

(14). Tỉnh uỷ - HDND - UBND tỉnh Thanh Hóa. *Địa chí Thanh Hóa*. Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2000, tr. 748.

(15). Ban Nghiên cứu và biên soạn Lịch sử Nghệ Tĩnh. *Lịch sử Nghệ Tĩnh*. tập I. Nxb. Nghệ Tĩnh, Vinh, 1984, tr. 321.

(16), (17), (18). Y. Henry. *Kinh tế nông nghiệp Đông Dương*. Hà Nội, 1932. Bản dịch của Hoàng Đình Bình. Tư liệu khoa Sử, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, tr. 27, 28.

(19). Huyện uỷ - UBND huyện Nông Cống. *Địa chí Nông Cống*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 706.

(20). Ch. Robequain. *Le Thanh Hoa*. sdd, tr. 309.

(21), (22), (23). Y. Henry. *Kinh tế nông nghiệp Đông Dương*, Sdd, tr. 27, 28, 34.

(24). H. Cucherousset. *Cuộc khủng hoảng và các đồn điền cà phê ở Thanh Hóa*. Tạp chí *Kinh tế Đông Dương*, năm 1932. Tài liệu địa chí, Thư viện Thanh Hóa.

(25). Tạ Thị Thuý. *Đồn điền người Pháp ở Bắc Kỳ (1884-1914)*. Sdd, tr. 304.

(26). H. Cucherousset. *Cuộc khủng hoảng và các đồn điền cà phê ở Thanh Hóa*. Tài liệu đã dẫn.

GÓP THÊM MỘT HƯỚNG TIẾP CẬN...

(Tiếp theo trang 8)

CHÚ THÍCH

(1). Phù Nam - tiếng Khơ me cổ "Bnam", "phmôm" có nghĩa là núi, tiếng Trung Quốc gọi là FOUNAM.

(2). Phan Ngọc Liên (Chủ biên), *Lược sử Đông Nam Á*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998.

(3). Võ Sĩ Khải, *Giai đoạn chuyển tiếp từ Phù Nam đến Chân Lạp*. Hội thảo Vùng đất Nam Bộ đến thế kỉ XIX, Tp. Hồ Chí Minh, tháng 4-2006.

(4). Chân Lạp được phiên âm từ tiếng Trung Quốc "Chenla".

(5). Vương Hồng Sển, *Sài Gòn năm xưa*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1997.

(6). Trần Văn Giàu (Chủ biên), *Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1987.

(7). Châu Đạt Quan, *Chân Lạp phong thổ kí*, Kí Nguyễn, Sài Gòn, 1973, tr. 23.

(8). Lê Quý Đôn, *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1977, tr. 345.